TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18-7-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Phương Huỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa*: Bà Đặng Thị Thanh T - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Số I, Nguyễn Thị Minh K, Tổ A, Khu phố I, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Đình H1, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Số I, Nguyễn Thị Minh K, Tổ A, Khu phố I, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Trần Đình H1 là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng

nhận kết hôn số 130, quyển số 01, ngày 21/12/2009 tại UBND xã U, huyện T, tỉnh Bình Dương.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại địa chỉ số I, Nguyễn Thị Minh K, Tổ A, Khu phố I, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Quá trình chung sống ông H1 không chăm cho làm ăn, chỉ lo cờ bạc, cá độ dẫn đến nợ nần, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, có nhiều bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã, ông H1 không quan tâm đến gia đình, không có việc làm ổn định, khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng tự hòa giải những mâu thuẫn trong gia đình, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể giải quyết được, cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng.

Vì vậy, nay thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Đình H1. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu địa phương, gia đình hai bên hòa giải.

Về con chung: Qúa trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: Trần Ngọc D, sinh ngày 07/3/2014 và Trần Đình Bảo L, sinh ngày 13/02/2019. Hiện nay hai con đang sống cùng với bà H và ông H1. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc hai con chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con. Vì hiện nay ông H1 không có việc làm.

Hiện nay bà H làm kinh doanh, buôn bán quán cà phê thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ sau: Căn cước công dân của bà Lê Thị H, ông Trần Đình H1 (bản sao); Xác nhận thông tin về cư trú (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao);Giấy khai sinh của con (bản sao); Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án; Trích lục quyết định đình chỉ (bản chính).

2. Bị đơn ông Trần Đình H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bị đơn ông Trần Đình H1.

Bị đơn không giao nộp tài liệu chứng cứ.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Lê Thị H vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn ông Trần Đình H1 vắng mặt, không có lý do.

- Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82 của Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H đối với bị đơn ông Trần Đình H1 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 12 tháng 3 năm 2024, bà Lê Thị H có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông Trần Đình H1. Từ những nội dung tranh chấp nêu trên, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2]. Về thẩm quyền: Bà Lê Thị H khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông Trần Đình H1, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại thời điểm thụ lý, bị đơn Trần Đình H1 đang cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Trần Đình H1 vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập tham

gia phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị H và ông Trần Đình H1 chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 130, quyển số 01, ngày 21/12/2009 tại UBND xã (nay là phường) U, huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa bà H và ông H1 là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa bà H và ông H1 là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông H1 vì lý do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau.

Qúa trình tham gia tố tụng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H1 đều vắng mặt nên được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; điều này cũng chứng tỏ ông H1 không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc nên vợ chồng phải có trách nhiệm chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt, tin tưởng yêu thương nhau, những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng cần phải tìm cách giải quyết để xây dựng gia đình hạnh phúc.

Việc bà H và ông H1 không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Qua xác minh tại địa phương nơi bà H, ông H1 cư trú cho biết: Bà H và ông H1 là vợ chồng đang sinh sống tại địa phương, quá trình chung sống vợ chồng bà H và ông H1 có phát sinh mâu thuẫn hay không thì địa phương không rõ vì bà H và ông H1 không thông báo với địa phương.

Bà H xác định hiện nay không còn tình cảm với ông H1, vợ chồng không thể nào có cơ hội hàn gắn. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa bà H và ông H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông H1 là có cơ sở. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị H đối với ông Trần Đình H1.

[2.2]. Về con chung: Qúa trình chung sống bà H và ông H1 có 02 con chung là Trần Ngọc D, sinh ngày 07/3/2014 và Trần Đình Bảo L, sinh ngày 13/02/2019. Hiện nay hai con đang sống cùng với bà H và ông H1. Sau khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Xét thấy, các con chung là Trần Ngọc D, sinh ngày 07/3/2014 và Trần Đình Bảo L, sinh ngày 13/02/2019 bà H có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con. Cháu D cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với mẹ là bà Lê Thị H, ông H1 không có văn bản trình bày về nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hiện nay, bà H có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, để con chung phát triển ổn định, toàn diện cần giao con chung là Trần Ngọc D, sinh ngày 07/3/2014 và Trần Đình Bảo L, sinh ngày 13/02/2019 cho bà Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nên yêu cầu của bà H về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung được chấp nhận.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con nên ông H1 không phải cấp dưỡng.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3]. Tại phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn ông Trần Đình H1.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Trần Đình H1.

1.2. Về con chung: Giao con chung Trần Ngọc D, sinh ngày 07/3/2014 và Trần Đình Bảo L, sinh ngày 13/02/2019 cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Đình H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Đình H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con nếu cần thiết.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24 số 0002231, ngày 22/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Nga

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
-VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Uyên H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (GCNKH số xx, quyển số xx, ngày xx/xx/2009);
- Các đương sự;

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh N